

Số: 31/2020/DS-ST

Ngày: 06/7/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trung

Ông Trần Ngọc Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 15/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân A

Địa chỉ: ấp 6, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn H – Chủ tịch hội đồng quản trị (có mặt).

Ông Hữu ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L – Kế toán trưởng quỹ tín dụng nhân dân A (có mặt).

Bị đơn: 1/ ông Lưu Văn H1, sinh năm 1963 (vắng mặt);

2/ Bà Trần Thị P, sinh năm 1963 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp An Thạnh, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Trần Thanh V, sinh năm 1975 (vắng mặt);

2 Chị Trịnh Thị Kim K, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3/ Anh Lưu Minh T, sinh năm 1998 (vắng mặt);

4/ Anh Lưu Minh T1, sinh năm 1986 (vắng mặt);

5/ Anh Lưu V P1, sinh năm 1991 (vắng mặt);

6/ Chị Lưu Thị H2, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp An Thạnh, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Văn H và đại diện theo ủy quyền của ông Hữu bà Nguyễn Thị Liễu trình bày:

Ngày 25/10/2017 ông Lưu Văn H1 và bà Trần Thị P có ký kết hợp đồng tín dụng số NN(THT)76/HĐTD với quỹ tín dụng nhân dân A. Theo nội dung hợp đồng tín dụng số NN(THT)76/HĐTD thì quỹ tín dụng nhân dân A cho bà P, ông H1 vay số tiền 340.000.000 đồng, mục đích vay để tu bổ ghe cào; thời hạn vay là 18 tháng, ngày 25/10/2017 quỹ tín dụng nhân dân A đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông H1, bà P.

Khi vay tiền ông H1, bà P có ký kết các hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay.

+ Hợp đồng thế chấp số 2151/HĐTCBĐS ngày 25/10/2017: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 841 tờ bản đồ số 12 tọa lạc xã A, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **V711883** do UBND huyện B cấp cho hộ ông Lưu Văn H1 vào ngày 24/02/2003;

+ Hợp đồng thế chấp số 2152/HĐTCBL ngày 25/10/2017 quyền sử dụng đất thửa 11 tờ bản đồ số 02 tọa lạc xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC616069 do UBND huyện B cấp cho ông Trần Thanh V vào ngày 06/5/2016. Hợp đồng thế chấp này được ký kết giữa quỹ tín dụng nhân dân A với ông Trần Thanh V, bà Trịnh Thị Kim K để bảo lãnh cho ông H1 và bà P.

+ Hợp đồng thế chấp số 2153/HĐTCTS ngày 25/10/2017, tài sản thế chấp là tàu cá hiệu TT. Biển kiểm soát BT-93945-TS, chiều dài lớn nhất 17,20m, chiều rộng lớn nhất 4,08m, chiều cao mạn 1,99m, chiều chìm 1,59m. Vật liệu Gỗ -CM. Máy chính: Hino7F17E, số máy A-20256, chủ tàu Lưu Văn H1.

Các hợp đồng thế chấp này được công chứng, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi vay tiền, ông H1, bà P đóng lãi đến ngày 25/3/2019 thì không đóng lãi nữa. Quỹ tín dụng nhân dân A đã nhiều lần làm việc với ông H1, bà P để yêu cầu thanh toán khoản tiền đã vay mặc dù ông H1, bà P đã cam kết nhưng vẫn không thanh toán nợ cho quỹ tín dụng nhân dân A.

Nay quỹ tín dụng nhân dân A yêu cầu ông Lưu Văn H1 và bà Trần Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho quỹ tín dụng nhân dân A số tiền tính đến ngày 06/7/2020 là 422.629.241 đồng, trong đó vốn gốc là 340.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.909.600 đồng, lãi quá hạn là 77.719.641 đồng. Đồng thời yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NN(THT)76/HĐTD ngày 25/10/2017 từ ngày 07/7/2020 cho đến khi ông H1, bà P thanh toán xong nợ gốc. Quỹ tín dụng nhân dân A không đồng ý cho ông H1, bà P thanh toán 03 tháng với số tiền 10.000.0000 đồng như yêu cầu của bà P tại Tòa.

Trong trường hợp ông H1, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ cho quỹ tín dụng nhân dân A thì yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp và tuyên phát mãi tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp số 2151/HĐTCBL ngày 25/10/2017, Hợp đồng thế chấp số 2152/HĐTCBL ngày 25/10/2017, Hợp đồng thế chấp số 2153/HĐTCTS ngày 25/10/2017 để ưu tiên thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân A.

Trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị P trình bày: Bà đồng ý và thống nhất với lời trình bày của đại diện hợp pháp của quỹ tín dụng nhân dân A. Ngày 25/10/2017 ông Lưu Văn H1 và bà có ký kết hợp đồng tín dụng số NN(THT)76/HĐTD với quỹ tín dụng nhân dân A để vay số tiền 340.000.000 đồng, mục đích vay để tu bổ ghe cào; thời hạn vay là 18 tháng, ngày 25/10/2017 quỹ tín dụng nhân dân A đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông bà. Do làm ăn thua lỗ nên ông bà chỉ đóng lãi đến ngày 25/3/2019 thì không có đóng lãi cho quỹ tín dụng nữa. Bà thống nhất với số tiền mà phía quỹ tín dụng nhân dân A yêu cầu ông H1 và bà có nghĩa vụ liên đới trả số tiền tính đến ngày 06/7/2020 là 422.629.241 đồng, trong đó vốn gốc là 340.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.909.600 đồng, lãi quá hạn là 77.719.641 đồng. Đồng thời yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NN(THT)76/HĐTD ngày 25/10/2017 từ ngày 07/7/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ. Hiện nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ bà xin trả dần ba tháng trả 10.000.0000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lưu Văn H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh V, Trịnh Thị Kim K, Lưu Minh T, Lưu Minh T1, Lưu Vũ P1, Lưu Thị H2 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H1, anh V, chị K, anh T, anh T1, anh P1, chị H2 phù hợp với quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Ông Lưu Văn H1 và bà Trần Thị P có ký hợp đồng tín dụng số NNtht 76/HĐTD ngày 25/10/2017 với quỹ tín dụng nhân dân A. Nội dung hợp đồng tín dụng số NNtht 76/HĐTD ngày 25/10/2017 là quỹ tín dụng nhân dân A cho ông H1, bà P vay số tiền 340.000.000 đồng, mục đích vay để tu bổ ghe cào; thời hạn vay là 18 tháng, lãi suất là 1,083%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng hoặc tại thời điểm phát tiền vay, trong trường hợp cần thiết sẽ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và thỏa thuận của hai bên; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 25/10/2017 quỹ tín dụng nhân dân A đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông H1, bà P. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Trần Thị P là vợ ông Lưu Văn H1 thừa nhận đến ngày 06/7/2020 còn nợ quỹ tín dụng A số tiền vay là 340.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.909.600 đồng, tiền lãi quá hạn là 77.719.641 đồng, tổng cộng là 422.629.241 đồng. Tuy ông H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lời khai nhưng lời khai của bà P là vợ ông H1 là phù hợp với chứng cứ mà phía nguyên đơn đưa ra. Qua đó thấy rằng yêu cầu của Quỹ tín dụng A buộc ông H1, bà P liên đới trả số tiền vay là 340.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.909.600 đồng, tiền lãi quá hạn là 77.719.641 đồng, tổng cộng là 422.629.241 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Quỹ tín dụng nhân dân A yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 07/7/2020 đến khi ông H1, bà P trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NN(THT)76/HĐTD ngày 25/10/2017 là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp số 2151/HĐTCBĐS ngày 25/10/2017: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 841 tờ bản đồ số 12 tọa lạc xã A, huyện Ba Tri; Hợp đồng thế chấp số 2152/HĐTCBL ngày 25/10/2017 quyền sử dụng đất thửa 11 tờ bản đồ số 02 tọa lạc xã A, huyện Ba Tri; Hợp đồng thế chấp số 2153/HĐTCTS ngày 25/10/2017, tài sản thế chấp là tàu cá hiệu Thanh Tâm, biển kiểm soát BT-93945-TS, chiều dài lớn nhất 17,20m, chiều rộng lớn nhất 4,08m, chiều cao mạn 1,99m, chiều chìm 1,59m. Vật liệu Gõ -CM. Máy chính: Hino7F17E, số máy A-20256, chủ tàu Lưu Văn H1, là để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông H1, bà P đã được công chứng. Hợp đồng thế chấp số 2151/HĐTCBĐS ngày 25/10/2017, số 2152/HĐTCBL ngày

25/10/2017, cũng đã được đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai theo đúng quy định pháp luật. Do đó yêu cầu của quỹ tín dụng nhân dân A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp ông H1, bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 317, 320, 323, 336 Bộ luật dân sự và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên ông H1, bà P phải nộp số tiền án phí là $400.000.000đ \times 5\% + 22.629.241đ \times 4\% = 20.905.000đ$ đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 317, 319, 320, 323, 336, 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 26, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân A.

1. Buộc ông Lưu Văn H1, bà Trần Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền tính đến hết ngày 06/7/2020 là 422.629.241đ (Bốn trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi một đồng), trong đó vốn gốc là 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 4.909.600đ (Bốn triệu chín trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng), lãi quá hạn là 77.719.641đ (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng).

2. Ông Lưu Văn H1, bà Trần Thị P còn phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NN(THT)76/HĐTD ngày 25/10/2017 kể từ ngày 07/7/2020 đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân A.

3. Trường hợp ông Lưu Văn H1, bà Trần Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã A thì Quỹ tín dụng nhân dân A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa 841 tờ bản đồ số 12 tọa lạc xã A, huyện Ba Tri theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **V711883** do UBND huyện B cấp cho hộ ông

Lưu Văn H1 vào ngày 24/02/2003; Quyền sử dụng đất thửa 11 tờ bản đồ số 02 tọa lạc xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC616069 do UBND huyện B cấp cho ông Trần Thanh V vào ngày 06/5/2016; tàu cá hiệu TT, biển kiểm soát BT-93945-TS, chiều dài lớn nhất 17,20m, chiều rộng lớn nhất 4,08m, chiều cao mạn 1,99m, chiều chìm 1,59m. Vật liệu Gỗ -CM. Máy chính: Hino7F17E, số máy A-20256, chủ tàu Lưu Văn H1 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lưu Văn H1, bà Trần Thị P phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.905.000đ (Hai mươi triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng)

- Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.470.000đ (Chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 00008757 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quỹ tín dụng nhân dân A, bà P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Duy Linh